

50. GIẢI THÍCH THẤY THẾ GIỚI CHƯ PHẬT Phần 1

KINH: Lại nữa, này Xá-lợi-phất! Bồ-tát ma-ha-tát muốn thấy thế giới của chư Phật quá khứ, vị lai và thấy thế giới của mười phương chư Phật hiện tại, nên học Bát-nhã Ba-la-mật.

LUẬN: Hỏi: Nếu thấy mười phương Phật là đã thấy thế giới, nay có sao nói muốn thấy thế giới?

Đáp: Bồ-tát khi chưa thiền định vào sâu, nếu thấy mười phương thế giới, núi sông, cây cỏ, thì tâm tán loạn, nên chỉ xem thấy chư Phật; như đã nói trong chương nói về niệm Phật. Hành giả chỉ xem chư Phật, không xem đất nước, núi sông, cây cỏ, khi được lực thiền định thì tùy ý xem rộng.

Lại nữa, cõi Phật thanh tịnh khó thấy, cho nên nói muốn thấy thế giới của chư Phật, nên học Bát-nhã Ba-la-mật.

Lại một đức Phật có vô lượng trăm ngàn thứ thế giới; như trước nói có thế giới nghiêm tịnh; có thế giới không nghiêm tịnh; có thế giới xen tạp; có thế giới rối ráo thanh tịnh khó thấy, do lực Bát-nhã Ba-la-mật mà thấy được cả; ví như thiên tử khi ngồi ở điện nghe chính sự, thì người ngoài thấy rõ mà người ở thâm cung nội điện không thấy được.

Hỏi: Thế giới hiện tại trong mười phương có thể thấy; còn thế giới của chư Phật quá khứ, vị lai làm sao thấy?

Đáp: Bồ-tát có thứ tam-muội thấy quá khứ vị lai, khi vào tam-muội ấy thì thấy việc quá khứ vị lai; như thấy việc trong mộng.

Lại nữa, Bồ-tát có thứ tam-muội không diệt trừ, khi vào tam-muội ấy, không thấy có chư Phật có diệt mất.

Hỏi: Hai pháp ấy chẳng phải mắt làm sao thấy được?

Đáp: Đây chính là trí tuệ, giả gọi là mắt.

Lại nữa, như trong kinh Chuyển pháp luân, đối với Bốn đế được nhãn, trí, minh, giác.

Lại nữa, Bồ-tát thấy thế giới Phật hiện tại trong mười phương, chắc chắn biết thế giới chư Phật trong quá khứ; vị lai cũng như vậy. Vì có sao? Vì hết thấy chư Phật công đức đồng nhau; việc ấy như trước đã nói.

Lại nữa, trong Bát-nhã Ba-la-mật, giống như hiện tại, quá khứ vị lai bình đẳng không khác; vì một như, một pháp tánh, vì thế không nên nạn.

KINH: Lại nữa, Xá-lợi-phất! Bồ-tát ma-ha-tát muốn nghe mười hai bộ kinh của mười phương chư Phật nói là Tu-đa-la, Kỳ-dạ, Thọ-ký, Già-đà, Ưu-đà-na, Nhân duyên, A-ba-đà-na, Như thị ngữ, Bốn sanh, Phương

quảng, Vị tăng hữu, Luận nghị, mà hàng Thanh văn nghe, cùng chẳng nghe, đều muốn đọc tụng thọ trì tất cả, nên học Bát-nhã Ba-la-mật.

LUẬN: Trước nói muốn nghe hết thấy pháp của mười phương chư Phật thuyết, nên học Bát-nhã Ba-la-mật. Pháp chư Phật thuyết tức đây nói mười hai bộ kinh.

Trong các Kinh, những lời nói thẳng gọi là Tu-đa-la, đó là bốn bộ A-hàm, và các kinh Đại thừa, kinh Hai trăm năm mươi giới, ngoài ba tạng ấy cũng có kinh khác, đều gọi là Tu-đa-la (Sutra: khế kinh).

Các bài kệ trong các Kinh gọi là Kỳ-dạ (Geya – Trùng tụng).

Chúng sanh trong chín đạo là ba thừa và sáu thú được Thọ-ký (Vy-àkurana – Ký biệt) rằng: Người ấy trải bấy nhiêu vô số kiếp sẽ được làm Phật; hoặc thọ ký hàng Thanh văn đời này hoặc đời sau đắc đạo; thọ ký hàng Bích-chi Phật chỉ đời sau đắc đạo; thọ ký chúng sanh trong sáu thú (sáu đường) đời sau thọ báo. Pháp của chư Phật khi muốn thọ ký cho chúng sanh trước đều mỉm cười, vô lượng hào quang từ bốn cái răng phóng ra, đó là hào quang xanh, vàng, đỏ, trắng, tía... từ hai răng trên phóng ra chiếu ba đường ác; từ hào quang đó diễn vô lượng pháp, nói hết thấy pháp tạo tác là vô thường, hết thấy pháp vô ngã, Niết-bàn an ổn. Chúng sanh gặp được hào quang cùng nghe thuyết pháp ấy, thân tâm an lạc, được sanh cõi người cõi trời; từ nhân duyên ấy đều được hết khổ. Hào quang từ hai răng dưới phóng ra chiếu lên cõi người cõi trời, cho đến cõi thiên Hữu đỉnh; hoặc kẻ đui mù, câm họng, bệnh cuồng đều được trừ khỏi. Trời Lục dục và A-tu-la thọ vui ngũ dục, gặp hào quang của Phật và nghe tiếng thuyết pháp, đều sanh nhàm chán dục lạc, thân tâm an lạc. Chư thiên ở cõi Sắc, khi thọ cái vui thiên định, gặp hào quang của chư Phật và nghe tiếng thuyết pháp, cũng sanh nhàm chán, mà đi đến chỗ Phật.

Các hào quang lại đến mười phương chiếu khắp sáu đường làm Phật sự xong, trở lại nhiều quanh thân Phật bảy vòng. Nếu thọ ký địa ngục, thì hào quang từ dưới chân mà vào; nếu thọ ký cho súc sanh, thì hào quang từ đùi chân vào; nếu thọ ký cho ngựa quỷ, thì hào quang từ vế vào; nếu thọ ký cho nhân đạo, thì hào quang từ rún vào; nếu thọ ký cho thiên đạo, thì hào quang từ ngực vào; nếu thọ ký cho Thanh văn thì hào quang từ miệng vào; nếu thọ ký Bích-chi Phật, thì hào quang từ tương giữa hai mi vào; nếu thọ ký được thành Phật, thì hào quang ấy từ đỉnh vào; nếu muốn thọ ký thì trước tiên hiện tướng ấy, vậy sau các đệ tử như A-nan... phát ra lời hỏi.

Hết thấy kệ gọi là Kỳ-dạ, sáu câu, ba câu, năm câu; mỗi câu nhiều ít

không nhất định, cũng gọi là Kỳ-dạ, cũng gọi là Già-đà (Gà-thà – Phúng tụng – Cô khởi).

Ưu-đà-na (Udàna - Tự thuyết) là có pháp Phật cần phải nói nhưng không có ai hỏi, Phật lược mở mối cho hỏi; như Phật ở thành Xá-bà-đề, trên nhà Tỳ-xá-khư, đi kinh hành chỗ tối, tự nói Ưu-đà-na, đó là “vô ngã, vô ngã sở, việc ấy lành thay”. Bấy giờ một Tỳ-kheo chấp tay bạch Phật rằng: “Bạch Thế Tôn! Thế nào là vô ngã, vô ngã sở, việc ấy lành thay?” Phật bảo Tỳ-kheo: “Người phàm phu chưa được vô lậu đạo, điên đảo che tâm, nên đối với lý vô ngã, vô ngã sở, tâm rất kinh sợ; còn nếu Phật và đệ tử Phật nghe pháp hay thì hoan hỷ phụng hành, không điên đảo, nên không còn tạo nghiệp trở lại.” Những điều như vậy, trong Tạp A-hàm nói rộng.

Lại như trong phẩm Bát-nhã Ba-la-mật, các thiên tử tán thán lời nói của Tu-bồ-đề nói rằng: “Lành thay! Lành thay! Hy hữu Thế Tôn! Hy hữu Thế Tôn! Ấy gọi là Ưu-đà-na.

Lại như sau khi Phật Niết-bàn, các đệ tử sưu tập những bài kệ thiết yếu, những bài kệ nói về vô thường, gom lại thành phẩm Vô thường, cho đến những bài kệ nói về Bà-la-môn gom lại thành phẩm Bà-la-môn, cũng gọi là Ưu-đà-na, sưu tập các việc tốt đều gọi là Ưu-đà-na. Như vậy gọi là Ưu-đà-na kinh (cũng gọi là Vô vấn tự thuyết).

Ni-đà-na (Nidàna – Nhân duyên) là nói nhân duyên chính khởi nói Phật pháp. Vì nhân gì Phật nói việc ấy. Trong Tu-đà-la, có người hỏi nên Phật nói việc ấy. Trong luật vì có người phạm việc ấy nên Phật kiết giới ấy. Việc duyên khởi của hết thảy lời Phật dạy, đều gọi là Ni-đà-na.

A-ba-đà-na (Avadàna – Thí dụ): Tương tự với lời nói thô thiển nhu nhuyễn của thế gian, như kinh Trường A-la-đà-na trong Trung A-hàm; kinh Đại A-ba-đà-na trong Trường A-hàm, Ưc nhĩ A-ba-đà-na, Nhị thập ức A-ba-đà-na ở trong Luật; Dục A-ba-đà-na nhất bộ trong kinh Giải nhị bách ngũ thập giới, Bồ-tát A-ba-đà-na xuất ra một bộ, như vậy có vô lượng A-ba-đà-na.

Như thị ngữ (Itivataka – Y-đế-mục đa-già - Bản sự): có hai: 1. Là lời kết cú, rằng trước ta hứa nói nay đã nói xong. 2. Là ngoài ba tạng và đại thừa, còn có kinh tên gọi là Nhất Mục-đa-ca, có người nói là Mục-đa-ca. Tên Mục-đa-ca ở cả ba tạng và Đại thừa, là thế nào? Như Phật dạy: Vua Tịnh-phạn bắt buộc những người trong dòng họ Thích xuất gia làm đệ tử Phật. Phật chọn năm trăm người có thể đắc đạo, đem đến thành Xá-bà-đề. Vì cố sao? Vì họ chưa lìa dục; nếu ở gần bà con, sợ họ phá giới, nên đem đến thành Xá-bà-đề bảo Xá-lợi-phất và Mục-kiền-

liên giáo hóa. Đầu đêm cuối đêm chuyên tinh không ngủ, siêng tu tinh tấn, nên được đạo. Được đạo rồi Phật đem họ trở về bản quốc, cùng với đại hội các thiên chúng ở trong rừng tiên nhân thuộc thành Ca-tỳ-la-bà (Ca-tỳ-la-vệ). Rừng này cách thành Ca-tỳ-la-bà 50 dặm, đó là vườn đạo chơi của người họ Thích. Các Tỳ-kheo Thích tử này khi còn ở thành Xà-bà-đề, đầu đêm, cuối đêm chuyên tinh không ngủ, nên thấy đêm dài; từ trong rừng đi vào trong thành khát thực, mới biết dặm đường dài xa. Bấy giờ đức Phật biết tâm họ, nhân có một con sư tử đi đến lễ dưới chân Phật, rồi đứng sang một bên, Phật lấy ba nhân duyên ấy nói kệ rằng:

*Không ngủ, đêm dài,
Mỗi mệt, đường dài,
Ngu, sanh tử dài,
Không biết chánh pháp.*

Phật bảo Tỳ-kheo: Khi các người chưa xuất gia, tâm kia phóng dật ngủ nghỉ nhiều nên không biết đêm dài; nay đầu đêm, cuối đêm, chuyên tinh cầu đạo, tỉnh giảm ngủ nghỉ nên thấy đêm dài. Rừng Ca-tỳ-la-bà này trước các người vốn cỡi xe đạo chơi, nên không biết xa; nay các người mặc y ôm bát, đi bộ mệt mỏi, nên biết đường xa. Còn con sư tử này, từ thì đức Phật Tỳ-bà-thi, làm vị thầy Bà-la-môn, thấy Phật thuyết pháp, đi đến chỗ Phật. Bấy giờ vì đại chúng đang nghe pháp, không cùng nói năng, sư tử mới nghĩ ác, phát lời ác mắng rằng: Bọn trọc này, khác gì súc sanh, không biết người tốt, không biết nói năng. Vì nghiệp ác khẩu ấy, nên từ thời đức Phật Tỳ-bà-thi cho đến nay, chín mươi một kiếp, thường ra vào súc sanh. Người ấy lúc đó đáng lẽ đắc đạo, song vì ngu si mà tự làm cho sanh tử lâu dài. Nay ở chỗ Phật, vì tâm thanh tịnh nên sẽ được giải thoát.

Các Kinh như vậy gọi là xuất nhân duyên. Từ chỗ nào xuất? Từ trong ba tạng và Đại thừa xuất ra, nên gọi là xuất. Sao gọi là nhân duyên? Là gốc của ba sự ấy (không ngủ, mỗi mệt, ngu không biết Chánh pháp) nên gọi là Nhân duyên Kinh.

Kinh Bốn sanh (Jataka – Xà-già-đà): Nói về sự tích của Bồ-tát ở quá khứ, như xưa Bồ-tát từng làm con sư tử ở trong rừng, cùng với một con khỉ kết bạn thân, khỉ đem hai con gỏi cho sư tử. Khi ấy có con chim ó, đi đi kiếm mồi, gặp sư tử đang ngủ, cố bắt khỉ con đem đi, đậu ở trên cây. Sư tử tỉnh dậy tìm khỉ con không được, thấy chim ó bắt đem trên cây, nói với chim ó: Ta nhận khỉ gỏi hai đứa con, giữ không cẩn thận, để người bắt đem đi, phụ lòng tin của khỉ, xin người cho ta lại. Ta là chúa trong loài thú, người là chúa trong loài chim, thế lực quý trọng ngang

nhau, người nên trả lại.

Chim ó nói: Người không biết thời, ta nay đang đói, đâu cần luận đồng hay khác.

Sư tử biết nói vô ích, tự lấy móng sắc bén móc thịt ở vế đùi mình để đổi lấy khỉ con.

Lại trong đời quá khứ, nhân dân nhiều người mắc bệnh liệt, nóng da vàng trắng. Bấy giờ Bồ-tát làm thân cá đở, tự lấy thịt mình bố thí cho người bệnh, để cứu khổ họ.

Lại, xưa Bồ-tát làm thân một con chim, trú ở trong rừng, thấy một người đi vào trong nước sâu, không phải chỗ của người đi, bị vướng lưới của thủy thần. Theo phép lưới thủy thần, đã vướng, thì không thể nào gỡ được. Chim biết cách gỡ, liền bay đến núi hương, lấy một cành cỏ thuốc, đặt trên lưới kia, giây liền tiêu hoại, người được thoát khỏi.

Vô lượng việc đời trước cứu giúp như vậy; ấy gọi là Bản sanh kinh.

Kinh Phương Quảng (Vaipulya - Tỳ-phật-lược): gọi là Đại thừa, đó là kinh Bát-nhã Ba-la-mật; kinh sáu Ba-la-mật; kinh Hoa thủ; kinh Pháp Hoa; kinh Phật bản khởi nhân duyên; kinh Vân; kinh Pháp vân; kinh Đại vân; vô lượng vô số các kinh như vậy, vì để chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, nên gọi là Tỳ-phật-lược.

Vị tăng hữu (Adbhuta-dharma – A-phù-đà-đạt-ma): như Phật hiện các thần thông, chúng sanh lấy làm lạ cho là việc chưa từng có. Đó là lúc Phật sanh ra, thân phóng hào quang lớn, chiếu ba ngàn đại thiên thế giới và chỗ u ám; lại chiếu ba ngàn đại thiên thế giới của vô lượng chư Phật trong mười phương. Bấy giờ trước Phật mẫu có ao đẹp thanh tịnh, để tắm cho Bồ-tát, Phạm vương cầm lọng, Đế-thích tắm thân, hai rồng phun nước.

Lại lúc mới sanh, không cần phò trì mà tự đi bảy bước, chỗ dấu chân đi đều có hoa sen, và cất tiếng nói: Ta là người độ hết thủy chúng sanh khỏi khổ, già, bệnh, chết. Đất chấn động mạnh, trời mưa các hoa, cây phát âm thanh, trở kỹ nhạc trời. Vô lượng việc hy hữu như vậy: ấy gọi là kinh Vị tăng hữu.

Kinh Luận nghị (Upadesa, Upatisa – Ưu-ba-đề-xá): Đáp các câu hỏi, giải thích lý do. Lại nói rộng các nghĩa như Phật nói Bốn đế, thế nào là bốn? Đó là Bốn thánh đế. Những gì là bốn? Đó là Khổ, Tập, Diệt, Đạo thánh đế; ấy gọi là luận nghị. Thế nào là Khổ thánh đế? Đó là tám khổ, là sanh khổ... Thế nào là sanh khổ? Đó là các chúng sanh nơi chỗ sanh ra chịu khổ. Hỏi đáp như vậy, giải rộng nghĩa kia; ấy gọi là Ưu-ba-đề-xá

(luận nghị). Như trong Đại thừa, Phật dạy sáu Ba-la-mật: Những gì là sáu? Đó là Đàn Ba-la-mật cho đến Bát-nhã Ba-la-mật. Thế nào là Đàn Ba-la-mật? Đàn Ba-la-mật có hai: 1. Đầy đủ. 2. Không đầy đủ. Thế nào là đầy đủ? Bồ thí hợp cùng với Bát-nhã Ba-la-mật cho đến Bồ-tát Thập trụ thành tựu được, gọi là đầy đủ. Không đầy đủ là Bồ-tát mới phát tâm, chưa được vô sanh pháp nhẫn, chưa hợp cùng với Bát-nhã Ba-la-mật; ấy gọi là không đầy đủ. Cho đến Thiên Ba-la-mật cũng như vậy.

Bát-nhã Ba-la-mật đầy đủ là có năng lực phương tiện lớn, chưa đầy đủ là không có năng lực phương tiện.

Lại nữa, Phật nói Luận nghị kinh, Đại Ca-chiên-diên giải thích Khế kinh, cho đến trong đời tượng pháp, kẻ phàm phu đúng như pháp mà thuyết; ấy gọi là Ưu-ba-đề-xá.

Pháp hàng Thanh văn không nghe được là pháp Phật chỉ nói cho Bồ-tát, không có hàng Thanh văn nghe.

Lại nữa, Phật dùng lực thần thông, biến hóa thân vô số khắp mười phương thế giới nhất thừa nói pháp.

Lại nữa, Phật vì trời Dục giới, trời Sắc giới nói pháp không có các đệ tử, cho nên không được nghe.

Hỏi: Các A-la-hán được sáu thần thông, nếu lúc Phật thuyết pháp, tuy không ở tại tòa, mà dùng tai trời, mắt trời có thể nghe được thấy được; nếu dùng Túc mạng thông, thì biết luôn cả việc quá khứ, cơ sao nói không nghe được?

Đáp: Chỗ thần thông lực của Thanh văn không đến kịp, cho nên không nghe được.

Lại nữa, Phật vì các đại Bồ-tát nói kinh bất khả tư nghì giải thoát, Xá-lợi-phất, Mục-kiền-liên ở hai bên Phật mà không nghe được, vì không gieo nhân duyên nghe pháp tu hành Đại thừa ấy; ví như người tọa thiền, khi vào định nhất thiết xứ, có thể quán hết thủy đều là nước, đều là lửa, mà người khác không trông thấy. Như trong kinh Bất Khả Tư Nghì Giải Thoát nói rộng.

Muốn thọ trì hết là nghe mà phụng hành là thọ, lâu dài không quên mất là trì.

